

## GIẢI TOÁN LỚP 4 TRANG 137: LUYỆN TẬP CHUNG

**Bài 1 (trang 137 SGK Toán 4):**

Tính :

a)  $\frac{5}{9} : \frac{4}{7}$       b)  $\frac{1}{5} : \frac{1}{3}$ ;      c)  $1 : \frac{2}{3}$

**Lời giải:**

a) ...  $\frac{5}{9} \times \frac{7}{4} = \frac{35}{36}$

b) ...  $\frac{1}{5} \times \frac{3}{1} = \frac{3}{5}$

c) ...  $\frac{1 \times 3}{2} = \frac{3}{2}$

**Bài 2 (trang 137 SGK Toán 4):**

Tính ( theo mẫu):

Mẫu

$$2 : \frac{3}{4} = \frac{2}{1} : \frac{3}{4} = \frac{2}{1} \times \frac{4}{3} = \frac{8}{3}$$

$$2 : \frac{3}{4} = \frac{2 \times 4}{3} = \frac{8}{3}$$

Ta có thể viết gọn như sau:

a)  $\frac{5}{7} : 3$       b)  $\frac{1}{2} : 5$       c)  $\frac{2}{3} : 4$

**Lời giải:**

a) ...  $= \frac{5}{7 \times 3} = \frac{5}{21}$

b)  $\frac{1}{2} : 5 = \frac{1}{2 \times 5} = \frac{1}{10}$

c) ...  $= \frac{2}{3 \times 4} = \frac{1}{6}$

**Bài 3 (trang 138 SGK Toán 4):**

Tính :

a)  $\frac{3}{4} \times \frac{2}{9} + \frac{1}{3}$       b)  $\frac{1}{4} : \frac{1}{3} - \frac{1}{2}$

**Lời giải:**

a)  $... = \frac{(3 \times 2)}{(4 \times 9)} + \frac{1}{3} = \frac{1}{6} + \frac{1}{3} = \frac{1}{6} + \frac{2}{6} = \frac{3}{6} = \frac{1}{2}$

b)  $... = \frac{1}{4} \times \frac{3}{1} - \frac{1}{2} = \frac{3}{4} - \frac{1}{2} = \frac{3}{4} - \frac{2}{4} = \frac{1}{4}$

**Bài 4 (trang 138 SGK Toán 4):**

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 60 m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{5}$  chiều dài. Tính chu vi và diện tích mảnh vườn đó.

**Lời giải:**

Chiều rộng của mảnh vườn là:

$$60 \times \frac{3}{5} = 36(\text{m})$$

Chu vi của mảnh vườn là:

$$(60 + 36) \times 2 = 192 (\text{m})$$

Diện tích của mảnh vườn là:

$$60 \times 36 = 2160 (\text{m}^2)$$

**Đáp số:** 192m và 2160m<sup>2</sup>**Lý thuyết trọng tâm****1. Phép nhân phân số:****a) Quy tắc:** Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

Lưu ý:

+) Sau khi làm phép nhân hai phân số, nếu thu được phân số chưa tối giản thì ta phải rút gọn thành phân số tối giản.

+) Khi nhân hai phân số, sau bước lấy tử số nhân tử số, mẫu số nhân mẫu số, nếu tử số và mẫu số cùng chia hết cho một số nào đó thì ta rút gọn luôn, không nên nhân lên sau đó lại rút gọn.

### **b) Các tính chất của phép nhân phân số**

+) Tính chất giao hoán: Khi đổi chỗ các phân số trong một tích thì tích của chúng không thay đổi

$$a \times b = b \times a$$

+) Tính chất kết hợp: Khi nhân một tích hai phân số với phân số thứ ba, ta có thể nhân phân số thứ nhất với tích của hai phân số còn lại.

$$(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$$

+ Tính chất phân phối: Khi nhân một tổng hai phân số với phân số thứ ba, ta có thể nhân lần lượt từng phân số của tổng với phân số thứ ba rồi cộng các kết quả đó lại với nhau.

$$(a + b) \times c = a \times c + b \times c$$

+ Nhân với số 1: Phân số nào nhân với 1 cũng bằng chính phân số đó.

$$a \times 1 = 1 \times a = a$$

+ Nhân với số 0: Phân số nào nhân với 0 cũng bằng 0.

$$a \times 0 = 0 \times a = 0$$

## **2. Phép chia phân số**

### **a) Phân số đảo ngược**

Phân số đảo ngược của một phân số là phân số đảo ngược tử số thành mẫu số, mẫu số thành tử số.

### **b) Phép chia hai phân số**

**Quy tắc:** Muốn chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.